TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ–ST.
Ngày 02-10-2018.
Kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Vũ Xuân Thụ.

2, Ông Mlô Y Nghiệp.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 02/10/2018 tại phòng xử án – Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 262/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2018, về việc *"Kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Vương Thị Y; sinh năm: 1972; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Dương Văn H; sinh năm 1971; vắng mặt có lý do.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Y và ông H là nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị Y và ông Dương Văn H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H sinh ra rượu chè, không lo làm ăn phát triển kinh tế mà thường bỏ nhà đi. Ngược lại ông H cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2016 bà Y có quan hệ ngoại tình, ông H khuyên bảo nhiều lần nhưng bà Y càng ngày càng công khai, nên ông H và bà Y thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện hai người đã sống ly thân, hiện cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nên bà Y và ông H đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Y và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Bà Y và ông H có 04 người con chung là Dương Thị L – sinh ngày 17/8/1994, Dương Vương Mộc H – sinh ngày 16/4/1997; Dương Thị Hiền H – sinh ngày 19/02/2000; Dương Vương Hảo H – sinh ngày 09/7/2003. Hiện có 03 người con chung đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Còn lại 01 người con chung bà Y có nguyện vọng được nuôi con chung và ông H cũng chấp nhận để bà Y nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được nuôi con bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà Y và ông H không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc bà Vương Thị Y khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vương Thị Y và ông Dương Văn H. Giao con chung Dương Vương Hảo H – sinh ngày 09/7/2003 cho bà Vương Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung bà Y, ông H không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Bà Vương Thị Y và ông Dương Văn H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên bà Y khởi kiện yêu cầu không công nhận bà Y và ông H là vợ chồng, Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Vương Thị Y và ông Dương Văn H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND nơi cư trú theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình thì không có giá trị pháp lý, nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung bà Y, ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn và kéo dài ngày càng gay gắt. Hiện tại hai người đã sống ly thân và giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc bà Yến và ông H đều có yêu cầu không công

nhận bà Y và ông H là vợ chồng, là có căn cứ, phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Y và ông H có 04 người con chung là Dương Thị L – sinh ngày 17/8/1994, Dương Vương Mộc H – sinh ngày 16/4/1997; Dương Thị Hiền H – sinh ngày 19/02/2000; Dương Vương Hảo H – sinh ngày 09/7/2003. Hiện có 03 người con chung đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Còn lại 01 người con chung bà Y, ông H thỏa thuận giao con chung là Dương Vương Hảo H – sinh ngày 09/7/2003 cho bà Y nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại bà Y không yêu cầu ông Hồng cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà Y và ông H không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Y phải chịu tiền án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vương Thị Y và ông Dương Văn H.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao con chung Dương Vương Hảo H – sinh ngày 09/7/2003 cho bà Vương Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Bà Vương Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H’Leo theo biên lai số AA/2017/0008691 ngày 10/8/2018.

4. Về quyền khánh cáo: Căn cứ Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa